

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN VIỆT - HUNG**

Số: 200/QĐ-ĐHVH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp đợt 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-ĐHVH ngày 12/07/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHCN Việt - Hung;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm 2026 ngày 11 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 379 sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp đợt 1 năm 2026 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 2;
- Webside;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hồng Chinh



DANH SÁCH SINH VIÊN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo QĐ số: 200/QĐ-ĐHVH ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
KHOA Ô TÔ												
1	1700190	Đặng Anh	Khánh	Nam	11/04/1999	TP. Hải Phòng	K4118CKO2	120	2.45	Trung bình	0	Kỹ sư
2	1800317	Lâm Văn	Đức	Nam	16/08/1996	Vĩnh Phúc	K4218-CKO1	124	2.70	Khá	0	Kỹ sư
3	1800302	Vũ Đức	Long	Nam	07/07/2000	Hà Nam	K4218-CKO3	120	2.59	Khá	0	Kỹ sư
4	1800746	Bùi Sỹ	Huy	Nam	04/03/2000	Thanh Hóa	K4218-CKO4	123	2.44	Trung bình	0	Kỹ sư
5	1900728	Nguyễn Chí	Linh	Nam	19/10/2001	Hà Tây	K4318-CKO1	155	3.15	Khá	0	Kỹ sư
6	1900795	Nguyễn Văn	Thường	Nam	04/02/2001	Hòa Bình	K4318-CKO1	151	2.91	Khá	0	Kỹ sư
7	1900764	Nguyễn Đức Tuấn	Minh	Nam	08/08/2001	Bắc Giang	K4318-CKO4	150	2.53	Khá	0	Kỹ sư
8	1900043	Ngô Khắc	Việt	Nam	06/11/2001	Cà Mau	K4318-CKO4	151	3.21	Giỏi	0	Kỹ sư
9	2000462	Soi Thanh	Tùng	Nam	18/11/2002	Sơn La	K4418-CKO1	151	2.90	Khá	0	Kỹ sư
10	2000773	Trần Hải	Đặng	Nam	27/03/2002	Nam Định	K4418-CKO2	152	2.56	Khá	0	Kỹ sư
11	2000153	Đoàn Hải	Nam	Nam	02/11/2002	Sơn La	K4418-CKO3	151	2.80	Khá	0	Kỹ sư
12	2000706	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	08/02/2002	TP. Hà Nội	K4418-CKO4	152	2.86	Khá	0	Kỹ sư
13	2000805	Lê Thanh	Quyết	Nam	19/09/2002	Tuyên Quang	K4418-CKO4	151	3.27	Giỏi	0	Kỹ sư
14	2101357	Trịnh Hồng	Phước	Nam	12/06/2003	Nam Định	K4518-CKO1	150	2.95	Khá	0	Kỹ sư
15	2100326	Hoàng Mạnh	Cường	Nam	11/01/2003	Hà Tây	K4518-CKO2	150	2.96	Khá	0	Kỹ sư
16	2100439	Nguyễn Thái	Học	Nam	08/02/2003	Hải Dương	K4518-CKO2	150	2.60	Khá	0	Kỹ sư
17	2100438	Dương Quốc	Nam	Nam	02/12/2003	Bắc Ninh	K4518-CKO2	150	2.78	Khá	0	Kỹ sư
18	2100582	Vũ Tiến Trường	Giang	Nam	04/08/2003	Hà Tây	K4518-CKO3	151	2.37	Trung bình	0	Kỹ sư
19	2100690	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	11/06/2003	Lai Châu	K4518-CKO3	150	2.91	Khá	0	Kỹ sư
20	2100476	Trần Phương	Nam	Nam	20/07/2003	Lâm Đồng	K4518-CKO3	150	2.68	Khá	0	Kỹ sư
21	2101442	Vũ Tiến	Kính	Nam	09/04/2000	Hà Tây	K4518-CKO4	150	2.83	Khá	0	Kỹ sư
22	2101130	Lương Hoàng	Nguyễn	Nam	30/03/2003	Cao Bằng	K4518-CKO4	150	2.69	Khá	0	Kỹ sư
23	2101341	Nguyễn Công	Thiệu	Nam	25/12/1999	Hà Nam	K4518-CKO4	150	2.91	Khá	0	Kỹ sư
24	2100798	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	14/12/2003	Hà Tây	K4518-CKO4	150	2.50	Khá	0	Kỹ sư
25	2100723	Phạm Hùng	Cường	Nam	14/10/2003	Thanh Hóa	K4518-CKO5	150	2.74	Khá	0	Kỹ sư
26	2101295	Cù Tiến	Dũng	Nam	19/03/2003	Phủ Thọ	K4518-CKO5	150	2.85	Khá	0	Kỹ sư
27	2100773	Đàm Tiến	Hưng	Nam	02/12/2003	TP. Hà Nội	K4518-CKO5	151	2.62	Khá	0	Kỹ sư
28	2100532	Nguyễn Đặng	Quảng	Nam	05/11/2003	Quảng Ninh	K4518-CKO5	150	2.94	Khá	0	Kỹ sư
29	2100482	Mai Văn	Thắng	Nam	02/01/2003	Thanh Hóa	K4518-CKO5	150	3.49	Giỏi	0	Kỹ sư
30	2100890	Lê Văn Anh	Xuân	Nam	14/11/2003	Thanh Hóa	K4518-CKO5	150	2.72	Khá	0	Kỹ sư
31	2100484	Nguyễn Trường	Xuân	Nam	14/11/2003	Hà Tây	K4518-CKO5	151	2.79	Khá	0	Kỹ sư
32	2101220	Nguyễn Đức	Duy	Nam	17/12/2003	Bắc Ninh	K4528-CKO1	150	2.95	Khá	0	Kỹ sư
33	2100929	Hoàng Tiên	Hải	Nam	04/05/2003	Hà Tây	K4528-CKO1	150	2.48	Trung bình	0	
KHOA CƠ KHÍ - XÂY DỰNG												
34	2000694	Trương Công	Bình	Nam	22/07/2002	Hà Tây	K4418-CTM1	153	2.56	Khá	0	Kỹ sư

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
KHOA ĐIỆN, ĐIỆN TỬ												
35	1800859	Nguyễn Bá	Khang	Nam	08/02/2000	Thanh Hóa	K4218-DDT4	126	2.31	Trung bình	0	Kỹ sư
36	2000179	Đoàn Quốc	Hội	Nam	08/05/2001	Hải Dương	K4418-CNKT DDT 1	152	2.53	Khá	0	Kỹ sư
37	2000186	Phùng Văn	Huy	Nam	15/09/2001	Vĩnh Phúc	K4418-CNKT DDT 2	153	2.55	Khá	0	Kỹ sư
38	2100241	Nguyễn Thế	Duy	Nam	30/09/2003	Thái Bình	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 1	150	3.26	Giỏi	0	Kỹ sư
39	2100136	Lê Quang	Huy	Nam	22/09/2003	Tuyên Quang	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 1	150	2.82	Khá	0	Kỹ sư
40	2100217	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	13/01/2000	Vĩnh Phúc	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 1	151	2.69	Khá	0	Kỹ sư
41	2100982	Quang Văn	Phú	Nam	26/04/2003	Hải Dương	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 1	150	3.25	Giỏi	0	Kỹ sư
42	2100225	Hà Long	Vũ	Nam	01/04/2003	Yên Bái	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 1	150	2.47	Trung bình	0	Kỹ sư
43	2100731	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	09/09/2003	Vĩnh Phúc	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 2	150	2.71	Khá	0	Kỹ sư
44	2100317	Lương Công	Nam	Nam	07/11/2003	Thái Bình	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 2	150	2.54	Khá	0	Kỹ sư
45	2101204	Vũ Phạm	Tuyên	Nam	09/11/2003	Nam Định	K4518-ĐH-ĐK&TĐH 2	150	2.81	Khá	0	Kỹ sư
46	2100587	Đào Tuấn	Vũ	Nam	21/07/2003	Hải Dương	K4518-ĐH-ĐT	151	2.57	Khá	0	Kỹ sư
47	2100186	Phùng Quý	Dương	Nam	13/06/2003	Hà Tây	K4518-ĐH-HTĐ	150	2.33	Trung bình	0	Kỹ sư
48	2100663	Bùi Đức	Duy	Nam	31/03/2003	Vĩnh Phúc	K4518-ĐH-HTĐ	150	2.60	Khá	0	Kỹ sư
49	2100775	Cà Văn	Khang	Nam	25/09/2003	Sơn La	K4518-ĐH-HTĐ	150	2.68	Khá	0	Kỹ sư
50	2101301	Tân A	Tổng	Nam	03/02/2003	Lào Cai	K4518-ĐH-HTĐ	152	2.77	Khá	0	Kỹ sư
51	2101182	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	12/10/2003	Bắc Giang	K4528-ĐH-ĐK&TĐH	150	2.59	Khá	0	Kỹ sư
52	2100800	Nguyễn Mạnh	Hồng	Nam	13/06/2003	Thái Bình	K4528-ĐH-ĐK&TĐH	150	2.73	Khá	0	Kỹ sư
KHOA CNTT												
53	1800309	Đặng Quốc	Huy	Nam	02/01/2000	Tuyên Quang	K4299-CNT2	120	2.20	Trung bình	0	Kỹ sư
54	1900408	Nguyễn Văn Tiến	Lộc	Nam	12/02/2001	Sơn La	K4318-CNT2	150	2.47	Trung bình	0	Kỹ sư
55	2000470	Nguyễn Nhật	Ngọc	Nam	11/11/2002	Nghệ An	K4418-CNT1	154	3.04	Khá	0	Kỹ sư
56	2000381	Nguyễn Văn	Trưởng	Nam	19/08/2002	Hòa Bình	K4418-TKĐH	152	2.72	Khá	0	Kỹ sư
57	2000657	Trần Lê Tuấn	Trưởng	Nam	30/10/2002	Lai Châu	K4418-TKĐH	159	2.52	Khá	0	Kỹ sư
58	2000887	Nguyễn Minh	Đức	Nam	14/04/2002	Bắc Giang	K4428-CNT1	151	3.03	Khá	0	Kỹ sư
59	2100366	Đào Mạnh	Tú	Nam	12/07/2003	Hà Tây	K4518-CNT2	150	2.85	Khá	0	Kỹ sư
60	2101201	Chu Tuấn	Anh	Nam	25/07/2003	Bắc Giang	K4518-CNT3	150	2.76	Khá	0	Kỹ sư
61	2101162	Đỗ Đức	Đạt	Nam	25/10/2003	Phú Thọ	K4518-CNT3	150	3.14	Khá	0	Kỹ sư
62	2100632	Khúc Như	Bình	Nam	12/11/2003	TP. Hải Phòng	K4518-TKĐH	150	2.69	Khá	0	Kỹ sư
63	2100014	Bùi Văn	Cường	Nam	06/02/2002	Hà Tây	K4518-TKĐH	150	2.91	Khá	0	Kỹ sư
64	2100870	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	22/09/2003	TP. Hà Nội	K4518-TKĐH	150	3.37	Giỏi	0	Kỹ sư
65	2100602	Nguyễn Đức	Hải	Nam	19/06/2003	Vĩnh Phúc	K4518-TKĐH	150	2.60	Khá	0	Kỹ sư
66	2100379	Đặng Thái	Hùng	Nam	26/08/2003	Hà Tây	K4518-TKĐH	150	2.94	Khá	0	Kỹ sư
67	2101082	Nguyễn Hữu	Huân	Nam	15/07/2003	TP. Hà Nội	K4528-CNT1	150	2.63	Khá	0	Kỹ sư
68	2100268	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/11/2003	Hà Tây	K4528-CNT1	150	2.91	Khá	0	Kỹ sư
69	2100343	Đình Thế	Quang	Nam	15/11/2003	Hà Tĩnh	K4528-CNT1	150	2.75	Khá	0	Kỹ sư
70	2100236	Phùng Đình	Trưởng	Nam	29/06/2003	Thanh Hóa	K4528-CNT1	150	2.89	Khá	0	Kỹ sư
71	2100891	Nguyễn Tuấn	Việt	Nam	20/07/2003	Yên Bái	K4528-CNT1	150	2.61	Khá	0	Kỹ sư
72	2100226	Hà Ngọc	Đoài	Nam	03/10/2003	Phú Thọ	K4599-CNT2	150	2.52	Khá	0	Kỹ sư
73	2100912	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	28/07/2003	TP. Hà Nội	K4599-CNT2	150	2.60	Khá	0	Kỹ sư
74	2100923	Trịnh Xuân	Mạnh	Nam	08/09/2003	Thanh Hóa	K4599-CNT2	150	2.93	Khá	0	Kỹ sư

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
75	2101189	Nguyễn Đức	Nam	Nam	26/06/2003	TP. Hà Nội	K4599-CNT2	150	3.24	Giỏi	0	Kỹ sư
76	2101354	Nguyễn Thế	Nguyên	Nam	01/02/2003	Thái Bình	K4599-CNT2	150	3.07	Khá	0	Kỹ sư
77	2100977	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	27/10/2003	Bắc Giang	K4599-CNT2	150	3.06	Khá	0	Kỹ sư
78	2100867	Nguyễn Đình	Đạt	Nam	22/06/2003	Bắc Ninh	K4599-CNT_CN	120	2.48	Trung bình	0	
79	2101283	Lê Quang	Dũng	Nam	27/07/2002	Nghệ An	K4599-CNT_CN	120	2.73	Khá	0	
80	2100679	Nguyễn Minh	Dương	Nam	01/05/2003	TP. Hà Nội	K4599-CNT_CN	120	2.64	Khá	0	
81	2100813	Nguyễn Trọng Hoàng	Hải	Nam	27/08/2003	Hà Tây	K4599-CNT_CN	120	2.70	Khá	0	
82	2100961	Vũ Đình	Hiếu	Nam	17/11/2003	Bắc Kạn	K4599-CNT_CN	120	2.49	Trung bình	0	
83	2100862	Lê Nhật	Minh	Nam	25/08/2003	TP. Hà Nội	K4599-CNT_CN	120	2.82	Khá	0	
84	2100364	Bùi Thiện	Phúc	Nam	01/09/2003	Thái Bình	K4599-CNT_CN	120	2.98	Khá	0	
85	2100838	Phùng Tuấn	Phương	Nam	27/04/2003	TP. Hà Nội	K4599-CNT_CN	120	2.58	Khá	0	
86	2100468	Phạm Anh	Thư	Nữ	25/05/2003	Hà Tây	K4599-CNT_CN	120	3.10	Khá	0	
87	2100050	Trần Văn	Việt	Nam	11/11/2003	Hà Tây	K4599-CNT_CN	120	2.68	Khá	0	
88	2100310	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/03/2003	Hà Tây	K4599-TKĐH_CN	120	2.98	Khá	0	
89	2100565	Phùng Văn	Nguyễn	Nam	10/02/2002	Phú Thọ	K4599-TKĐH_CN	120	2.59	Khá	0	
90	2100298	Đinh Hồng	Son	Nam	14/01/2003	Son La	K4599-TKĐH_CN	120	3.07	Khá	0	
91	2100062	Bùi Đức	Tiến	Nam	11/11/2003	Hòa Bình	K4599-TKĐH_CN	120	2.55	Khá	0	
92	2201021	Đặng Thị Kim	Anh	Nữ	18/06/2004	Thanh Hóa	K4618-CNTT_CN	120	2.73	Khá	0	
93	2201022	Nguyễn Văn	Chỉnh	Nam	12/10/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	2.96	Khá	0	
94	2200727	Nguyễn Văn	Chương	Nam	30/10/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	3.40	Giỏi	0	
95	2200107	Nguyễn Thế	Cường	Nam	05/06/2004	Lào Cai	K4618-CNTT_CN	120	3.10	Khá	0	
96	2200683	Kiều Việt	Dũng	Nam	25/05/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	3.82	Xuất sắc	0	
97	2200441	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	03/02/2004	TP. Hà Nội	K4618-CNTT_CN	120	3.64	Xuất sắc	0	
98	2200911	Mùa A	Giống	Nam	23/03/2004	Son La	K4618-CNTT_CN	120	3.59	Giỏi	0	
99	2200065	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	03/09/2004	Thanh Hóa	K4618-CNTT_CN	120	3.85	Xuất sắc	0	
100	2200401	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	03/12/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	3.53	Giỏi	0	
101	2200042	Thế Văn	Lộc	Nam	20/04/2003	Lào Cai	K4618-CNTT_CN	120	3.13	Khá	0	
102	2201209	Đinh Nguyễn Hoài	Nam	Nam	19/03/2004	Son La	K4618-CNTT_CN	120	3.05	Khá	0	
103	2201065	Nguyễn Hữu	Nam	Nam	12/08/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	2.98	Khá	0	
104	2200596	Nguyễn Tuấn	Nam	Nam	28/12/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	3.33	Giỏi	0	
105	2200593	Hoàng Công	Phúc	Nam	01/08/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	2.81	Khá	0	
106	2201153	Mai Tiến	Thắng	Nam	26/08/2004	Thanh Hóa	K4618-CNTT_CN	120	2.51	Khá	0	
107	2200577	Nguyễn Xuân	Thắng	Nam	24/08/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	3.78	Xuất sắc	0	
108	2200349	Lương Hữu	Thịnh	Nam	09/06/2004	Bắc Ninh	K4618-CNTT_CN	120	3.21	Giỏi	0	
109	2200031	Nguyễn Dũng	Tiến	Nam	05/01/1977	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	2.65	Khá	0	
110	2201114	Nguyễn Mạnh	Tuân	Nam	01/11/2004	Hà Tây	K4618-CNTT_CN	120	2.63	Khá	0	
111	2200750	Vũ Thế	Công	Nam	09/07/2004	Hòa Bình	K4618-TKĐH	124	2.92	Khá	0	
112	2200367	Nguyễn Minh	Đức	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	K4618-TKĐH	124	2.86	Khá	0	
113	2200351	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	03/11/2004	Thanh Hóa	K4618-TKĐH	124	2.91	Khá	0	
114	2200494	Bùi Mạnh	Dũng	Nam	03/12/2003	Hòa Bình	K4618-TKĐH	124	2.67	Khá	0	
115	2200953	Lê Văn	Dương	Nam	08/11/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.85	Khá	0	
116	2200775	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	05/09/2004	Lào Cai	K4618-TKĐH	124	2.85	Khá	0	
117	2200447	Nguyễn Danh	Hà	Nam	02/04/2004	TP. Hà Nội	K4618-TKĐH	124	3.08	Khá	0	
118	2200709	Hồ Xuân	Hậu	Nam	20/10/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.62	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
119	2200821	Lương Duy	Hoàn	Nam	28/05/2004	Sơn La	K4618-TKĐH	124	2.90	Khá	0	
120	2200145	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	21/08/2004	Hải Dương	K4618-TKĐH	124	2.65	Khá	0	
121	2200947	Quách Thị Thanh	Hường	Nữ	27/09/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.85	Khá	0	
122	2200091	Trần Thu	Huyền	Nữ	05/01/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.94	Khá	0	
123	2201012	Đỗ Vũ Huy	Long	Nam	21/04/2003	Yên Bái	K4618-TKĐH	124	2.87	Khá	0	
124	2200514	Chèo Tả	Mây	Nữ	01/05/2004	Lai Châu	K4618-TKĐH	124	3.69	Xuất sắc	0	
125	2201110	Đàm Ngọc	Minh	Nam	04/09/2004	Phủ Thọ	K4618-TKĐH	124	2.45	Trung bình	0	
126	2201030	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	29/09/2004	Ninh Bình	K4618-TKĐH	124	2.76	Khá	0	
127	2200808	Nguyễn Tuấn	Nam	Nam	23/02/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.51	Khá	0	
128	2201206	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24/03/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	3.06	Khá	0	
129	2201019	Phùng Ngọc	Phượng	Nam	01/04/2004	Phủ Thọ	K4618-TKĐH	123	3.58	Giỏi	0	
130	2200079	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	08/11/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	3.00	Khá	0	
131	2200241	Lương Minh	Quân	Nam	05/08/2004	Hà Tây	K4618-TKĐH	124	2.90	Khá	0	
132	2200751	Bùi Văn	Quang	Nam	16/05/2004	Hòa Bình	K4618-TKĐH	123	3.20	Giỏi	0	
133	2200035	Dương Lê	Quỳnh	Nữ	21/9/2003	Hưng Yên	K4618-TKĐH	124	2.91	Khá	0	
134	2200285	Phạm Văn	Son	Nam	11/02/2004	Bình Dương	K4618-TKĐH	124	2.59	Khá	0	
135	2200906	Trần Đình	Thái	Nam	18/11/2004	Lào Cai	K4618-TKĐH	124	2.80	Khá	0	
136	2201172	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	08/12/2004	Thái Bình	K4618-TKĐH	124	2.91	Khá	0	
137	2200067	Trần Xuân	Trường	Nam	27/07/2004	Phủ Thọ	K4618-TKĐH	124	2.14	Trung bình	0	
138	2200891	Nguyễn Văn	An	Nam	28/03/2004	Hà Tây	K4628-TKĐH	123	2.86	Khá	0	
139	2200994	Nguyễn Bá Việt	Anh	Nam	01/12/2004	TP. Hà Nội	K4628-TKĐH	122	2.58	Khá	0	
140	2200117	Nguyễn Xuân	Bắc	Nam	28/03/2004	Nam Định	K4628-TKĐH	123	3.01	Khá	0	
141	2200686	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	30/10/2004	TP. Hà Nội	K4628-TKĐH	122	2.70	Khá	0	
142	2200694	Sùng A	Dùng	Nam	29/12/2004	Yên Bái	K4628-TKĐH	124	2.60	Khá	0	
143	2200888	Lê Đại	Dương	Nam	21/04/2004	Nam Định	K4628-TKĐH	123	3.19	Khá	0	
144	2200250	Chu Hoàng	Hải	Nam	11/07/2004	Thái Bình	K4628-TKĐH	124	2.33	Trung bình	0	
145	2200511	Nguyễn Duy	Hoàng	Nam	12/11/2004	Bắc Giang	K4628-TKĐH	124	2.58	Khá	0	
146	2200139	Đặng Thị Mai	Hương	Nữ	21/10/2004	Nam Định	K4628-TKĐH	123	3.41	Giỏi	0	
147	2200936	Dương Thị Quỳnh	Hương	Nữ	04/03/2004	TP. Hà Nội	K4628-TKĐH	120	3.48	Giỏi	0	
148	2200863	Nguyễn Văn	Hường	Nam	21/12/2004	Hà Tây	K4628-TKĐH	123	2.69	Khá	0	
149	2200309	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	28/05/2004	Hà Tây	K4628-TKĐH	124	3.23	Giỏi	0	
150	2200830	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	17/08/2004	Thanh Hóa	K4628-TKĐH	123	3.69	Xuất sắc	0	
151	2200258	Ma Trung	Kiên	Nam	22/08/2004	Lào Cai	K4628-TKĐH	124	2.32	Trung bình	0	
152	2200166	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	09/10/2004	Hải Dương	K4628-TKĐH	124	2.65	Khá	0	
153	2200587	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	18/09/2004	Hà Tây	K4628-TKĐH	124	3.07	Khá	0	
154	2201067	Dương Mạnh	Long	Nam	02/06/2004	Bắc Ninh	K4628-TKĐH	124	2.80	Khá	0	
155	2200326	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	16/11/2004	TP. Hà Nội	K4628-TKĐH	123	3.66	Xuất sắc	0	
156	2200571	Phạm Anh	Tài	Nam	13/04/2004	Hải Dương	K4628-TKĐH	124	2.63	Khá	0	
157	2200112	Phạm Thị	Thảo	Nữ	10/05/2004	Nam Định	K4628-TKĐH	124	3.44	Giỏi	0	
158	2201134	Phan Huyền	Thương	Nữ	25/12/2003	Thanh Hóa	K4628-TKĐH	124	2.81	Khá	0	
159	2200529	Uông Thị Lan	Thương	Nữ	08/01/2004	Hà Tây	K4628-TKĐH	123	3.54	Giỏi	0	
160	2200561	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	29/10/2004	Đắk Lắk	K4628-TKĐH	123	3.09	Khá	0	
KHOA QTNH												
161	1800387	Mông Văn	Hiệu	Nam	09/01/2000	Lạng Sơn	K4218-TCK	120	2.30	Trung bình	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
162	2000868	Vũ Hoài	Nam	Nữ	24/07/2001	Hà Tây	K4418-TNH1	121	3.20	Giỏi	0	
163	2101103	Nguyễn Văn	Việt	Nam	23/08/2003	Hà Tây	K4599-TCK	120	2.45	Trung bình	0	
164	2200407	Nguyễn Thục	Anh	Nữ	01/09/2004	Điện Biên	K4618-TNH1	120	2.45	Trung bình	0	
165	2200528	Vũ Đức	Anh	Nam	25/07/2004	Nam Định	K4618-TNH1	120	3.07	Khá	0	
166	2200165	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/12/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	3.68	Xuất sắc	0	
167	2200768	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/10/2004	Lào Cai	K4618-TNH1	120	2.98	Khá	0	
168	2200439	Đỗ Minh	Châu	Nữ	19/10/2004	Lào Cai	K4618-TNH1	120	3.00	Khá	0	
169	2200197	Nguyễn Châu	Giang	Nữ	07/01/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.30	Trung bình	0	
170	2200769	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	11/08/2004	Phú Thọ	K4618-TNH1	120	3.30	Giỏi	0	
171	2200975	Phạm Thị	Huế	Nữ	01/06/2004	Bắc Kạn	K4618-TNH1	120	2.74	Khá	0	
172	2201239	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	06/10/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.61	Khá	0	
173	2200904	Phùng Thị Diệu	Linh	Nữ	30/06/2002	Hà Tây	K4618-TNH1	120	3.56	Giỏi	0	
174	2200460	Đỗ Xuân	Mai	Nữ	01/11/2004	Phú Thọ	K4618-TNH1	120	2.90	Khá	0	
175	2200700	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	24/09/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.55	Khá	0	
176	2200164	Nguyễn Anh	Minh	Nam	04/02/2004	Hòa Bình	K4618-TNH1	120	2.83	Khá	0	
177	2201118	Lê Tuyết	Nga	Nữ	21/11/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.90	Khá	0	
178	2200231	Phan Thủy	Ngân	Nữ	01/07/2003	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.86	Khá	0	
179	2200519	Nguyễn Phương	Nguyên	Nữ	20/12/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	3.64	Xuất sắc	0	
180	2200507	Đỗ Thị	Thắm	Nữ	28/11/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	3.49	Giỏi	0	
181	2200941	Trần Thị	Thắm	Nữ	06/01/2001	Hà Nam	K4618-TNH1	120	3.45	Giỏi	0	
182	2200708	Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	02/05/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.77	Khá	0	
183	2200905	Vũ Thu	Thảo	Nữ	30/04/2004	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.20	Trung bình	0	
184	2200290	Đỗ Thị Anh	Thư	Nữ	01/01/2004	Thanh Hóa	K4618-TNH1	120	2.56	Khá	0	
185	2200712	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/08/2002	Hà Tây	K4618-TNH1	120	2.51	Khá	0	
186	2200159	Vũ Thị	Trang	Nữ	13/02/2004	Thanh Hóa	K4618-TNH1	120	3.79	Xuất sắc	0	
187	2200353	Trần Thủy	An	Nữ	22/04/2004	Thái Bình	K4699-TNH1	120	2.61	Khá	0	
188	2200149	Lê Hải	Anh	Nữ	18/11/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.67	Khá	0	
189	2200556	Nguyễn Nguyệt	Anh	Nữ	07/11/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.65	Khá	0	
190	2200551	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	30/09/2004	Thanh Hóa	K4699-TNH1	120	2.86	Khá	0	
191	2200264	Trịnh Văn	Anh	Nữ	30/10/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.81	Khá	0	
192	2200948	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/01/2004	TP. Hà Nội	K4699-TNH1	120	3.30	Giỏi	0	
193	2200168	Nguyễn Quế	Chi	Nữ	08/07/2004	TP. Hà Nội	K4699-TNH1	120	3.25	Giỏi	0	
194	2200306	Nghiêm Thị Khánh	Diên	Nữ	01/12/2004	Ninh Bình	K4699-TNH1	120	2.98	Khá	0	
195	2200384	Nguyễn Quang	Đức	Nam	05/06/2004	Lào Cai	K4699-TNH1	120	2.48	Trung bình	0	
196	2201157	Trần Văn	Dũng	Nam	13/01/2004	Vĩnh Phúc	K4699-TNH1	120	2.88	Khá	0	
197	2200721	Đông Trường	Giang	Nam	07/04/2004	Bắc Giang	K4699-TNH1	120	2.70	Khá	0	
198	2201010	Đào Thu	Hà	Nữ	21/05/2004	Thái Bình	K4699-TNH1	120	3.04	Khá	0	
199	2200742	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	19/05/2003	Hải Dương	K4699-TNH1	120	2.70	Khá	0	
200	2200338	Vũ Thị	Hồng	Nữ	28/06/2004	TP. Hải Phòng	K4699-TNH1	120	2.50	Khá	0	
201	2201043	Lê Thị Ngọc	Huế	Nữ	01/09/2004	Thái Bình	K4699-TNH1	120	2.69	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
202	2200382	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	10/12/2003	Hà Tây	K4699-TNH1	120	3.69	Xuất sắc	0	
203	2201032	Bùi Thị Thủy	Linh	Nữ	12/10/2004	Thái Bình	K4699-TNH1	120	2.85	Khá	0	
204	2201064	Đặng Thủy	Linh	Nữ	28/02/2003	Nam Định	K4699-TNH1	120	3.14	Khá	0	
205	2201031	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	19/10/2003	Son La	K4699-TNH1	120	3.77	Xuất sắc	0	
206	2200702	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	01/01/2004	Phú Yên	K4699-TNH1	120	2.88	Khá	0	
207	2200392	Hoàng Thị	Lộc	Nữ	25/05/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.48	Trung bình	0	
208	2200671	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	07/07/2004	Bắc Ninh	K4699-TNH1	120	3.07	Khá	0	
209	2200546	Lê Thị Phương	Mai	Nữ	11/05/2004	Thái Bình	K4699-TNH1	120	2.55	Khá	0	
210	2200869	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	18/10/2004	Quảng Ninh	K4699-TNH1	120	3.13	Khá	0	
211	2200436	Trương Thị Linh	Nhi	Nữ	22/02/2004	Thanh Hóa	K4699-TNH1	120	2.65	Khá	0	
212	2201078	Đinh Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/09/2004	Ninh Bình	K4699-TNH1	120	2.20	Trung bình	0	
213	2200291	Bùi Thị Diệu	Oanh	Nữ	03/07/2004	TP. Hà Nội	K4699-TNH1	120	2.88	Khá	0	
214	2201080	Trần Thu	Phương	Nữ	08/02/2003	Nam Định	K4699-TNH1	120	2.85	Khá	0	
215	2201100	Vũ Thị	Tâm	Nữ	29/03/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	3.30	Giỏi	0	
216	2200983	Nùng Văn	Thăng	Nam	09/11/2004	Hà Giang	K4699-TNH1	120	2.85	Khá	0	
217	2201190	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/11/2003	Bắc Ninh	K4699-TNH1	120	2.33	Trung bình	0	
218	2200950	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/10/2004	Bắc Ninh	K4699-TNH1	120	2.86	Khá	0	
219	2200615	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	07/09/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.55	Khá	0	
220	2200225	Hà Bích	Việt	Nữ	03/08/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.26	Trung bình	0	
221	2200419	Chu Văn	Vũ	Nam	07/11/2004	Hà Tây	K4699-TNH1	120	2.72	Khá	0	
222	1900958	Bùi Quang	Trung	Nam	22/10/2001	Gia Lai	K4318-QTKD1	120	2.42	Trung bình	0	
223	2101176	Đinh Thị Mai	Hương	Nữ	31/03/2003	Hà Tây	K4518-QTKD1	120	2.32	Trung bình	0	
224	2101027	Trần Duy	Anh	Nam	12/07/2002	TP. Hà Nội	K4599-QTKD1	120	2.18	Trung bình	0	
225	2100941	Lê Công	Bảo	Nam	08/03/2003	Ninh Bình	K4599-QTKD1	120	2.64	Khá	0	
226	2100329	Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	12/10/2003	Son La	K4599-QTKD1	120	2.79	Khá	0	
227	2100995	Nguyễn Thị Thủy	Chung	Nữ	06/03/2003	Lào Cai	K4599-QTKD1	120	2.86	Khá	0	
228	2101309	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	04/01/2003	Thái Bình	K4599-QTKD2	120	2.96	Khá	0	
229	2200820	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	10/01/2004	Nghệ An	K4618-QTKD1	120	3.05	Khá	0	
230	2200647	Lưu Thị	Hạ	Nữ	14/10/2004	Bắc Kạn	K4618-QTKD1	120	2.66	Khá	0	
231	2201029	Kiều Trọng	Hải	Nam	27/07/2004	Hà Tây	K4618-QTKD1	120	2.40	Trung bình	0	
232	2200920	Nguyễn Mạnh	Hải	Nam	27/12/2000	Hà Tây	K4618-QTKD1	120	3.12	Khá	0	
233	2200614	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	20/10/2004	Lào Cai	K4618-QTKD1	120	3.78	Xuất sắc	0	
234	2200793	Vũ Thị	Hân	Nữ	27/03/2004	Lai Châu	K4618-QTKD1	120	3.76	Xuất sắc	0	
235	2200849	Vũ Thị	Hiển	Nữ	09/09/2004	Hải Dương	K4618-QTKD1	120	2.96	Khá	0	
236	2200063	Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	20/08/2004	Ninh Bình	K4618-QTKD1	120	2.66	Khá	0	
237	2200344	Hầu Thu	Huyền	Nữ	20/06/2004	Lạng Sơn	K4618-QTKD1	120	2.59	Khá	0	
238	2200500	Dương Ngọc	Mai	Nữ	14/10/2004	Phú Thọ	K4618-QTKD1	120	2.61	Khá	0	
239	2201150	Giảng A	Máo	Nam	07/02/2003	Yên Bái	K4618-QTKD1	120	2.69	Khá	0	
240	2200681	Sa Thị Trà	Mi	Nữ	07/09/2004	Phú Thọ	K4618-QTKD1	120	2.75	Khá	0	
241	2200172	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	07/08/2004	Nghệ An	K4618-QTKD1	120	2.80	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
242	2200171	Trần Thị Ánh	Ngọc	Nữ	29/04/2004	Nghệ An	K4618-QTKD1	120	2.80	Khá	0	
243	2200083	Đặng Quý	Phi	Nam	07/10/2004	Thanh Hóa	K4618-QTKD1	120	2.45	Trung bình	0	
244	2200062	Đinh Hà	Phượng	Nữ	22/11/2004	Ninh Bình	K4618-QTKD1	120	2.48	Trung bình	0	
245	2200437	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	24/07/2004	Bắc Ninh	K4618-QTKD1	120	3.52	Giỏi	0	
246	2200157	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/06/2004	Bắc Giang	K4618-QTKD1	120	2.67	Khá	0	
247	2200785	Nguyễn Danh	Thiện	Nam	20/12/2004	Hà Tây	K4618-QTKD1	120	2.99	Khá	0	
248	2200533	Trần Thị	Thơm	Nữ	01/05/2004	Ninh Bình	K4618-QTKD1	120	2.64	Khá	0	
249	2200271	Nguyễn Hoài	Thư	Nữ	15/12/2004	Hà Tây	K4618-QTKD1	120	3.23	Giỏi	0	
250	2200464	Bùi Diệu	Thủy	Nữ	07/07/2004	Hòa Bình	K4618-QTKD1	120	3.54	Giỏi	0	
251	2200922	Bùi Việt	Ý	Nam	19/04/2004	Hòa Bình	K4618-QTKD1	120	2.75	Khá	0	
252	2200424	Nguyễn Thị Thu	An	Nữ	20/02/2004	Hà Tây	K4628-QTKD1	120	2.26	Trung bình	0	
253	2200610	Tổng Thị Kim	Anh	Nữ	08/02/2004	Hà Tây	K4628-QTKD1	120	3.72	Xuất sắc	0	
254	2200391	Trần Thị	Châm	Nữ	31/03/2004	Vĩnh Phúc	K4628-QTKD1	120	3.50	Giỏi	0	
255	2200973	Cao Thị	Duyên	Nữ	14/03/2004	Thanh Hóa	K4628-QTKD1	120	2.83	Khá	0	
256	2200227	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	K4628-QTKD1	120	2.97	Khá	0	
257	2201113	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	16/09/2001	Hải Dương	K4628-QTKD1	120	2.77	Khá	0	
258	2200397	Lương Xuân	Hiệu	Nam	17/06/2004	Hưng Yên	K4628-QTKD1	120	2.91	Khá	0	
259	2200348	Vì Ma	Hoàng	Nam	13/10/2004	Tuyên Quang	K4628-QTKD1	120	3.00	Khá	0	
260	2200505	Đào Thị Mai	Hương	Nữ	20/01/2004	Thái Bình	K4628-QTKD1	120	3.52	Giỏi	0	
261	2200980	Đỗ Thị Ngọc	Lan	Nữ	13/01/2004	Hà Tây	K4628-QTKD1	120	3.60	Xuất sắc	0	
262	2200354	Nguyễn Trúc	Lan	Nữ	27/09/2004	Bắc Giang	K4628-QTKD1	120	2.74	Khá	0	
263	2200209	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	04/11/2004	Hà Nam	K4628-QTKD1	120	3.76	Xuất sắc	0	
264	2200132	Nguyễn Văn	Minh	Nam	13/09/2004	Bắc Giang	K4628-QTKD1	120	2.90	Khá	0	
265	2200167	Trịnh Thanh	Nhi	Nữ	07/08/2004	Lạng Sơn	K4628-QTKD1	120	2.85	Khá	0	
266	2200967	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	15/12/2004	Hải Dương	K4628-QTKD1	120	3.18	Khá	0	
267	2200739	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	12/02/2004	Hải Dương	K4628-QTKD1	120	3.22	Giỏi	0	
268	2201025	Trần Thị Khánh	Phượng	Nữ	27/08/2004	Hà Tây	K4628-QTKD1	120	2.70	Khá	0	
269	2200425	Phạm Đăng	Quang	Nam	27/08/2004	Thanh Hóa	K4628-QTKD1	120	2.27	Trung bình	0	
270	2200385	Nghiêm Thị Phương	Thanh	Nữ	05/11/2004	Vĩnh Phúc	K4628-QTKD1	120	3.16	Khá	0	
271	2200426	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/08/2004	Yên Bái	K4628-QTKD1	120	2.41	Trung bình	0	
272	2200688	Bùi Thị Ánh	Thiện	Nữ	24/11/2004	Hòa Bình	K4628-QTKD1	120	3.05	Khá	0	
273	2200572	Phạm Thị	Thơm	Nữ	16/01/2004	Hà Tây	K4628-QTKD1	120	2.54	Khá	0	
274	2200097	Nguyễn Thị Hà	Vì	Nữ	29/07/2003	Hòa Bình	K4628-QTKD1	120	3.05	Khá	0	
275	2200246	Phạm Minh	Vũ	Nam	08/10/2004	Hà Nam	K4628-QTKD1	120	2.23	Trung bình	0	
276	2201074	Nguyễn Thị	Xoa	Nữ	12/10/2004	Hải Dương	K4628-QTKD1	120	3.55	Giỏi	0	
277	2200234	Đào Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/11/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	3.58	Giỏi	0	
278	2200210	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	16/03/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.93	Khá	0	
279	2200885	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	23/08/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.75	Khá	0	
280	2200303	Nguyễn Mỹ Minh	Anh	Nữ	30/10/2004	Bắc Ninh	K4699-QTKD1	120	3.13	Khá	0	
281	2200581	Nguyễn Phạm Tuấn	Anh	Nam	27/05/2004	Yên Bái	K4699-QTKD1	120	2.40	Trung bình	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
282	2200724	Tô Phương	Anh	Nữ	05/11/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.71	Khá	0	
283	2200894	Trần Mai	Anh	Nữ	27/05/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	3.72	Xuất sắc	0	
284	2200728	Tô Ngọc	Bích	Nữ	14/08/2004	Quảng Ninh	K4699-QTKD1	120	3.18	Khá	0	
285	2201177	Phùng Thị Mai	Chi	Nữ	02/02/2004	Sơn La	K4699-QTKD1	120	2.68	Khá	0	
286	2201035	Nguyễn Cảnh	Đạt	Nam	27/07/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.41	Trung bình	0	
287	2200951	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	28/03/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	2.52	Khá	0	
288	2200516	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	11/01/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	2.58	Khá	0	
289	2200515	Ngô Trường	Giang	Nam	28/08/2004	Hòa Bình	K4699-QTKD1	120	2.28	Trung bình	0	
290	2200880	Lê Đức	Hạnh	Nam	14/06/2003	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	3.28	Giỏi	0	
291	2200886	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	27/03/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	2.97	Khá	0	
292	2200882	Nguyễn Hồng	Hào	Nữ	21/01/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.94	Khá	0	
293	2200940	Trần Thị Mỹ	Hào	Nữ	13/09/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	3.60	Xuất sắc	0	
294	2200877	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	05/06/2004	Đồng Nai	K4699-QTKD1	120	3.45	Giỏi	0	
295	2200415	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	21/10/2004	Phú Thọ	K4699-QTKD1	120	2.70	Khá	0	
296	2201125	Vũ Mỹ	Hoa	Nữ	14/01/2004	Sơn La	K4699-QTKD1	120	2.70	Khá	0	
297	2200823	Nguyễn Công	Hoan	Nam	28/07/2003	Ninh Bình	K4699-QTKD1	120	2.44	Trung bình	0	
298	2200814	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	20/07/2004	Hà Tây	K4699-QTKD1	120	2.00	Trung bình	0	
299	2200851	Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	05/08/2004	Bắc Giang	K4699-QTKD1	120	2.68	Khá	0	
300	2200864	Đào Quang	Huy	Nam	04/08/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.43	Trung bình	0	
301	2200853	Vũ Thị	Huyền	Nữ	23/04/2004	Bắc Giang	K4699-QTKD1	120	2.76	Khá	0	
302	2201044	Trần Thị Kim	Khánh	Nữ	26/11/2004	Hòa Bình	K4699-QTKD1	120	3.23	Giỏi	0	
303	2200492	Phạm Hoàng	Kiên	Nam	28/12/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.28	Trung bình	0	
304	2200270	Dương Thị	Lan	Nữ	22/03/2004	Bắc Giang	K4699-QTKD1	120	3.05	Khá	0	
305	2200646	Bùi Hoài	Linh	Nữ	02/07/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.60	Khá	0	
306	2200491	Lã Thị Thảo	Linh	Nữ	13/04/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.53	Khá	0	
307	2200578	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	07/09/2004	Yên Bái	K4699-QTKD1	120	3.32	Giỏi	0	
308	2200219	Trần Ngọc	Linh	Nữ	14/12/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.67	Khá	0	
309	2200649	Vũ Khánh	Linh	Nữ	27/09/2004	Yên Bái	K4699-QTKD1	120	3.29	Giỏi	0	
310	2200848	Nguyễn Ngọc	Lụa	Nữ	13/10/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	3.16	Khá	0	
311	2200324	Phạm Khánh	Ly	Nữ	15/02/2004	Yên Bái	K4699-QTKD1	120	3.30	Giỏi	0	
312	2200452	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	18/03/2004	Lào Cai	K4699-QTKD1	120	2.77	Khá	0	
313	2201077	Phạm Thị Trà	My	Nữ	15/06/2004	Nam Định	K4699-QTKD1	120	3.34	Giỏi	0	
314	2200539	Lưu Lê Ni	Na	Nữ	04/09/2004	Nghệ An	K4699-QTKD1	120	2.81	Khá	0	
315	2200443	Đỗ Phương	Nam	Nam	17/11/1999	Hà Tây	K4699-QTKD1	120	2.63	Khá	0	
316	2200169	Nguyễn Hải	Nam	Nam	31/03/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.61	Khá	0	
317	2200135	Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	19/10/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.35	Trung bình	0	
318	2200318	Trần Thị	Ngọc	Nữ	22/12/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.34	Trung bình	0	
319	2201034	Nguyễn Đình	Phát	Nam	11/09/2004	Hà Tây	K4699-QTKD1	120	2.54	Khá	0	
320	2200862	Dương Hoàng	Phúc	Nam	15/08/2004	Phú Thọ	K4699-QTKD1	120	2.70	Khá	0	

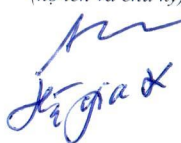
STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
321	2201149	Nguyễn Thị Hà	Phuong	Nữ	25/12/2004	Thanh Hóa	K4699-QTKD1	120	2.65	Khá	0	
322	2200998	Vũ Phương	Phuong	Nữ	10/11/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.57	Khá	0	
323	2200493	Nguyễn Lý	Quang	Nam	04/01/2003	Bắc Kạn	K4699-QTKD1	120	2.48	Trung bình	0	
324	2200297	Phạm Như	Quyên	Nam	24/02/2004	Hải Dương	K4699-QTKD1	120	2.59	Khá	0	
325	2200870	Dương Thị	Quỳnh	Nữ	26/01/2004	Bắc Ninh	K4699-QTKD1	120	2.40	Trung bình	0	
326	2201127	Hoàng Diễm	Quỳnh	Nữ	14/12/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.69	Khá	0	
327	2200497	Phạm Ngô Minh	Thành	Nam	29/11/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.38	Trung bình	0	
328	2200867	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	10/12/2004	Hà Tây	K4699-QTKD1	120	2.64	Khá	0	
329	2201119	Trần Huyền	Vy	Nữ	30/01/2004	TP. Hà Nội	K4699-QTKD1	120	2.45	Trung bình	0	
330	2201111	Vũ Thị	Xuân	Nữ	09/06/2004	Hà Tây	K4699-QTKD1	120	3.64	Xuất sắc	0	
VIỆN KINH TẾ & CHÍNH SÁCH CÔNG												
331	2200013	Phan Quỳnh	Anh	Nữ	16/12/1995	Sơn La	K4618-KT	120	3.05	Khá	0	
332	2201060	Chu Thủy	Dương	Nữ	28/05/1997	Hà Tây	K4618-KT	120	3.58	Giỏi	0	
333	2200211	Vàng A	Giảng	Nam	24/04/2004	Điện Biên	K4618-KT	120	3.00	Khá	0	
334	2200047	Đinh Thị Thủy	Hằng	Nữ	27/04/2003	Phú Thọ	K4618-KT	120	3.25	Giỏi	0	
335	2201198	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/05/2004	Thái Bình	K4618-KT	120	3.38	Giỏi	0	
336	2200913	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	17/03/2003	Hà Tây	K4618-KT	120	2.58	Khá	0	
337	2200002	Trương Thị Ngọc	Huyền	Nữ	29/06/2003	Hà Tây	K4618-KT	120	3.57	Giỏi	0	
338	2200228	Nguyễn Thành	Luân	Nam	12/09/2004	Hòa Bình	K4618-KT	120	2.50	Khá	0	
339	2200613	Quách Hồng	Nga	Nữ	17/11/2004	Thái Bình	K4618-KT	120	3.17	Khá	0	
340	2200916	Nguyễn Thanh	Nhã	Nữ	10/11/2004	Hà Tây	K4618-KT	120	2.51	Khá	0	
341	2200971	Mai Thị Kim	Nhung	Nữ	23/10/2004	Hải Dương	K4618-KT	120	3.65	Xuất sắc	0	
342	2200744	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	13/05/2004	Hà Nam	K4618-KT	120	2.74	Khá	0	
343	2200274	Nguyễn Hoài	Sương	Nữ	11/10/2004	Nghệ An	K4618-KT	120	3.69	Xuất sắc	0	
344	2200068	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	25/02/2004	Hòa Bình	K4618-KT	120	3.23	Giỏi	0	
345	2200388	Trần Phương	Thảo	Nữ	19/09/2004	Hà Tây	K4618-KT	120	2.97	Khá	0	
346	2201161	Lương Thanh	Thu	Nữ	24/09/2004	Hà Tây	K4618-KT	120	2.80	Khá	0	
347	2200499	Trần Lệ	Thương	Nữ	24/12/2004	Phú Thọ	K4618-KT	120	2.68	Khá	0	
348	2200066	Nguyễn Công	Tuân	Nam	01/11/2004	Thái Bình	K4618-KT	120	3.79	Xuất sắc	0	
349	2200295	Lưu Thị Thanh	Xuân	Nữ	13/11/2004	Thanh Hóa	K4618-KT	120	2.80	Khá	0	
350	2200548	Nguyễn Thuý	Châm	Nữ	26/09/2004	TP. Hà Nội	K4699-KT	120	2.75	Khá	0	
351	2200687	Võ Thị Thanh	Chúc	Nữ	19/12/2004	Nam Định	K4699-KT	120	3.61	Xuất sắc	0	
352	2200327	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	29/07/2004	TP. Hà Nội	K4699-KT	120	2.96	Khá	0	
353	2200828	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	29/06/2004	Hà Tây	K4699-KT	120	3.08	Khá	0	
354	2200506	Cần Thị Việt	Hà	Nữ	13/12/2004	Hà Tây	K4699-KT	120	3.76	Xuất sắc	0	
355	2201121	Phan Thị	Hà	Nữ	22/08/2004	Nam Định	K4699-KT	120	2.96	Khá	0	
356	2200855	Lý Thị Phương	Hoa	Nữ	17/02/2004	Thái Bình	K4699-KT	120	3.04	Khá	0	
357	2200105	Nguyễn Minh	Hương	Nữ	28/10/2004	Quảng Ninh	K4699-KT	120	3.64	Xuất sắc	0	
358	2200813	Lê Phương	Huyền	Nữ	29/10/2003	Hà Tây	K4699-KT	120	2.94	Khá	0	
359	2200847	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	07/10/2004	TP. Hà Nội	K4699-KT	120	3.43	Giỏi	0	
360	2200866	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	08/10/2004	TP. Hà Nội	K4699-KT	120	3.57	Giỏi	0	
361	2200635	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	12/12/2004	TP. Hà Nội	K4699-KT	120	2.88	Khá	0	
362	2201152	Giảng Thị	Máy	Nữ	07/10/2004	Yên Bái	K4699-KT	120	2.88	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
363	2200380	Đàm Thị Yên	Nhi	Nữ	16/09/2004	Bình Thuận	K4699-KT	120	3.09	Khá	0	
364	2200987	Đoàn Diễm	Quỳnh	Nữ	18/10/2004	Nam Định	K4699-KT	120	2.89	Khá	0	
365	2200684	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	06/10/2004	Thanh Hóa	K4699-KT	120	2.61	Khá	0	
366	2200335	Đình Hoài	Thương	Nữ	04/01/2004	Yên Bái	K4699-KT	120	2.35	Trung bình	0	
367	2200243	Đoàn Thị	Thương	Nữ	06/01/2004	Thanh Hóa	K4699-KT	120	2.32	Trung bình	0	
368	2200130	Hoàng Thúy	Vi	Nữ	16/10/2004	Lạng Sơn	K4699-KT	120	3.47	Giỏi	0	
369	2200985	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	02/10/2004	Hà Tây	K4699-KT	120	3.03	Khá	0	
370	2200404	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24/06/2004	Phú Thọ	K4699-LGT	120	3.22	Giỏi	0	
371	2200330	Phạm Thị Thuý	Dung	Nữ	26/01/2004	Hải Dương	K4699-LGT	120	3.08	Khá	0	
372	2200896	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	18/09/2004	TP. Hà Nội	K4699-LGT	120	2.99	Khá	0	
373	2200657	Lê Quốc	Huy	Nam	19/02/2004	Hà Tây	K4699-LGT	120	2.78	Khá	0	
374	2200377	Nguyễn Gia	Lâm	Nam	26/01/2004	Hải Dương	K4699-LGT	120	2.87	Khá	0	
375	2200576	Đào Ánh	Ngọc	Nữ	13/10/2004	Hà Nam	K4699-LGT	120	3.10	Khá	0	
376	2201058	Bùi Thị Minh	Thu	Nữ	17/10/2003	Hòa Bình	K4699-LGT	120	3.21	Giỏi	0	
377	2201036	Chu Thị Thanh	Thùy	Nữ	25/11/2004	Bắc Giang	K4699-LGT	120	3.30	Giỏi	0	
378	2200691	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	19/09/2004	Hưng Yên	K4699-LGT	120	3.49	Giỏi	0	
379	2201007	Trần Ngọc	Trang	Nữ	22/06/2004	Vĩnh Phúc	K4699-LGT	120	3.29	Giỏi	0	
TỔNG SỐ SINH VIÊN ĐU ĐỀU ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP LÀ 379 SINH VIÊN												

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

Ban giám hiệu
(họ tên và chữ ký)
K. NIÊU TRƯỞNG P. HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hồng Chinh

Phòng đào tạo
(họ tên và chữ ký)


Người lập biểu
(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Văn Anh